

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**

**BỘ TÀI CHÍNH**

**HỌC VIỆN TÀI CHÍNH**

-----

**HOÀN THIỆN THÔNG TIN KẾ TOÁN CÔNG BỐ  
CỦA CÁC DOANH NGHIỆP NIÊM YẾT  
NHẪM ĐÁP ỨNG NHU CẦU THÔNG TIN  
CỦA CÁC NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI TẠI VIỆT NAM**

**Chuyên ngành: Kế toán**

**Mã số: 9.34.03.01**

**TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ KINH TẾ**

Hà Nội – 2022

Công trình được hoàn thành tại: HỌC VIỆN TÀI CHÍNH

Người hướng dẫn khoa học:

1. PGS.TS. Đào Thị Minh Thanh

2. PGS.TS. Trương Thị Thủy

Phản biện 1: .....

.....

Phản biện 2: .....

.....

Phản biện 3: .....

.....

Luận án sẽ được bảo vệ trước Hội đồng chấm luận án cấp Học  
viện họp tại .....

Vào hồi      giờ      ngày      tháng      năm

Có thể tìm hiểu luận án tại thư viện:

.....

## MỞ ĐẦU

### 1. TÍNH CẤP THIẾT CỦA ĐỀ TÀI LUẬN ÁN

Nền kinh tế Việt Nam sau hội nhập đã có những bước tăng trưởng mạnh mẽ và các dự báo đều khẳng định Việt Nam sẽ tiếp tục đà tăng trưởng này trong thời gian tới. Hơn nữa, việc tham gia các hiệp định thương mại tự do giúp gỡ bỏ các hàng rào thuế quan, dễ dàng tiếp cận với các thị trường quốc tế tiềm năng, qua đó sẽ tạo tiền đề cho các doanh nghiệp Việt Nam, đặc biệt là các doanh nghiệp có quy mô, các doanh nghiệp niêm yết, mở rộng và phát triển các mảng hoạt động sản xuất kinh doanh của mình.

Để tiếp cận được nguồn vốn từ các ngân hàng thương mại, doanh nghiệp sẽ phải cung cấp các tài liệu theo yêu cầu, để từ đó ngân hàng đưa ra quyết định cho vay của mình. Tình hình tài chính là một trong những nội dung đánh giá quan trọng của ngân hàng với một khách hàng doanh nghiệp vay vốn. Các thông tin kế toán công bố của doanh nghiệp là nguồn thông tin chính mà các ngân hàng có thể dựa vào để có được những đánh giá về tình hình tài chính và khả năng trả nợ của doanh nghiệp. Từ đó, có thể thấy tầm quan trọng của các thông tin kế toán công bố bởi doanh nghiệp đóng vai trò quan trọng trong quyết định của các ngân hàng thương mại. Tuy nhiên, số lượng các nghiên cứu liên quan tới nhu cầu thông tin của đối tượng cho doanh nghiệp vay vốn, và cụ thể là các ngân hàng thương mại vẫn còn khá hạn chế. Trong khi đây là một trong những đối tượng quan trọng nhất mà các thông tin kế toán hướng tới. Theo Allen và Cote (2005) đã nhấn mạnh, thực sự sẽ rất khó có sự thay đổi về chất lượng thông tin kế toán công bố của các doanh nghiệp nếu như nhu cầu thông tin của các ngân hàng thương mại không được điều tra, làm rõ.

Xuất phát từ những vấn đề nêu trên, có thể nhận thấy cần có những nghiên cứu về thông tin kế toán công bố của các doanh nghiệp niêm yết dưới góc độ ngân hàng thương mại - là một đối tượng sử dụng thông tin của các doanh nghiệp niêm yết để đưa ra quyết định kinh tế của mình; và từ đó đưa ra các giải pháp giúp nâng cao chất lượng thông tin kế toán công bố của doanh nghiệp niêm yết, và hỗ trợ các ngân hàng thương mại có những đánh giá tốt hơn về doanh nghiệp niêm yết, cùng với đó giúp các doanh nghiệp niêm yết dễ dàng hơn trong việc tiếp cận được nguồn vốn từ các ngân hàng thương mại.

Do đó, tác giả đã lựa chọn đề tài nghiên cứu: *“Hoàn thiện thông tin kế toán công bố của các doanh nghiệp niêm yết nhằm đáp ứng nhu cầu thông tin của các ngân hàng thương mại tại Việt Nam”*.

### 2 TỔNG QUAN VỀ TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU

#### 2.1 Những nghiên cứu trên thế giới

Nghiên cứu tổng quan các công trình có liên quan đến đề tài luận án nhằm làm rõ kết quả đạt được và những khoảng trống nghiên cứu. Các nghiên cứu trên thế giới có

liên quan tới nhu cầu của ngân hàng thương mại với các thông tin kế toán công bố đi theo các hướng nghiên cứu chính

- (1) tầm quan trọng của thông tin kế toán công bố;
- (2) ảnh hưởng của các thông tin kế toán công bố và
- (3) ảnh hưởng của ý kiến kiểm toán các thông tin kế toán công bố

đến quyết định của các ngân hàng thương mại.

### ***2.1.1. Nghiên cứu về tầm quan trọng của thông tin kế toán công bố đến quyết định của các ngân hàng thương mại***

#### ***a. Tầm quan trọng của thông tin kế toán đến quyết định của các NHTM***

Berry và cộng sự (1984 và 2006) và Kitindi và cộng sự (2007) nghiên cứu đã khẳng định báo cáo thường niên và báo cáo tài chính vẫn là nguồn thông tin quan trọng nhất mà các ngân hàng thương mại tại Anh sử dụng trong các quyết định cấp tín dụng của mình.

#### ***b. Tầm quan trọng của các báo cáo tài chính trong quyết định của các NHTM***

Jones và Widjaja (1998) và Berry và cộng sự (2006) nhận thấy rằng phần lớn các ngân hàng thương mại của Úc đều sử dụng báo cáo lưu chuyển tiền tệ nhiều hơn các thông tin khác.

Schneider (2013) nhận thấy rằng các ngân hàng thương mại đánh giá bằng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ có tầm quan trọng gần như nhau khi các ngân hàng đưa ra quyết định cho vay của mình.

### ***2.1.2 Nghiên cứu về ảnh hưởng của các thông tin kế toán công bố đến quyết định của các ngân hàng thương mại***

#### ***a. Độ tin cậy của báo cáo tài chính***

Beaulieu và Rosman (2003); Holder-Webb và Sharma (2010) và DeZoort và cộng sự (2012) đã nhận thấy rằng họ có xu hướng từ chối cho vay với khách hàng có thông tin kế toán thiếu sự tin cậy.

Graham và cộng sự (2008) và Jie Xia và Xiu-Ye Zhang (2003) chứng minh rằng nếu trong hồ sơ doanh nghiệp đi vay ngân hàng có đính báo cáo tài chính chứa các thông tin điều chỉnh hồi tố, sẽ gặp bất lợi trong việc tiếp cận vốn và thường phải gánh chịu mức lãi suất cao hơn so với các doanh nghiệp khác.

#### ***b. Ảnh hưởng của các phương pháp kế toán***

Hartman và Sami (1989) và Durocher và Fortin (2009) nhận thấy những thông tin liên quan đến thuê tài chính được trình bày trên bảng cân đối kế toán thì nhận được sự tin cậy hơn là các thông tin về thuê hoạt.

Klammer và Reed (1990) và Jones và Widjaja (1998) chỉ ra rằng đa số cán bộ tín dụng được khảo sát thích sử dụng báo cáo lưu chuyển tiền tệ của doanh nghiệp được lập theo phương pháp trực tiếp hơn là phương pháp gián tiếp.

Wilkins và Zimmer (1985) nhận thấy rằng hầu hết các ngân hàng không phân biệt được các phương pháp kế toán cho các khoản mục đầu tư góp vốn vào các công ty khác.

Trotman và Zimmer (1986) cho thấy đa phần các nhân viên tín dụng ngân hàng không phân biệt được các hình thức ghi nhận doanh thu của các hợp đồng xây dựng

Davis và cộng sự (1993) chỉ ra rằng các ngân hàng đánh giá các khoản nợ tiềm tàng trên thuyết minh không khác biệt nhiều với các khoản dự phòng phải trả.

Catasús và Gröjer (2003) thấy rằng việc xử lý các khoản chi nghiên cứu phát triển không ảnh hưởng đến quyết định cho vay.

#### *c. Các khoản mục trên báo cáo tài chính*

K.G. Stanga và M.G. Tiller (1983) nhận thấy rằng nhu cầu thông tin kế toán của nhân viên ngân hàng chuyên cho vay khách hàng doanh nghiệp lớn không khác biệt với những nhân viên ngân hàng chuyên cho vay các doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Nichols (1997) nhận thấy rằng việc phân chia dữ liệu báo cáo tài chính thành các hoạt động kinh doanh chính và hoạt động kinh doanh khác có hữu ích trong các quyết định cho vay.

#### *d. Các chỉ số tài chính*

Libby (1975) và Casey (1980a) nhận thấy rằng một số các chỉ số tài chính giúp cho các cán bộ tín dụng với nền tảng kiến thức khác nhau có thể đưa ra những phán đoán khá chính xác và tin cậy về tình hình tài chính của doanh nghiệp

### **2.1.3. Nghiên cứu về ảnh hưởng của ý kiến kiểm toán các thông tin kế toán công bố đến quyết định của các ngân hàng thương mại.**

Casey (1980a); D.W. Blackwell và cộng sự (1998); Berry và Robertson (2006) đã thấy rằng báo cáo tài chính được kiểm toán, hoặc sau soát xét là nguồn thông tin quan trọng nhất để phục vụ quyết định cho vay.

#### *a. Đơn vị cung cấp dịch vụ bảo đảm*

Colbert và cộng sự (2011) không tìm thấy mối liên hệ nào giữa việc công ty kiểm toán độc lập đồng thời cung cấp dịch vụ phát triển hệ thống thông tin kế toán cho doanh nghiệp vay vốn với nhận định của ngân hàng về tính độc lập của kiểm toán viên hay quyết định cho vay của họ. Tuy nhiên, nếu bên xin vay đang sử dụng dịch vụ thuế của công ty kiểm toán sẽ có ảnh hưởng tiêu cực đến nhận định của bên cho vay về tính độc lập của kiểm toán viên cũng như các quyết định cho vay.

Shockley (1981), Bakar và cộng sự (2005) và Kim và cộng sự (2013) nhận thấy quyết định của bên cho vay có thể bị ảnh hưởng bởi chất lượng của kiểm toán viên thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của doanh nghiệp xin vay vốn. Tuy nhiên, trái ngược với những nghiên cứu trên, McKinley và cộng sự (1985) và Miller và Smith (2002) nhận thấy các quyết định cho vay của ngân hàng không bị ảnh hưởng bởi việc

liệu công ty kiểm toán của bên xin vay là một công ty quốc tế lớn có danh tiếng tốt hay là một công ty địa phương không có tiếng tăm.

*b. Ý kiến kiểm toán*

Firth (1980), Gul (1987), Geiger (1992), Bamber và Stratton (1997) cùng Chen và cộng sự (2016) thấy rằng các ngân hàng nhận được báo cáo kiểm toán có ý kiến ngoại trừ của bên xin vay thì ít có khả năng cho doanh nghiệp đó vay vốn và nếu có thì hợp đồng vay cũng bị áp dụng mức lãi suất cao hơn.

Booak và Quick (2016) đã điều tra đánh giá của các ngân hàng ở Đức liên quan đến việc mở rộng thông tin được cung cấp trong báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính. Kết quả nghiên cứu chỉ ra rằng việc công khai mức độ bảo đảm có tác động tích cực đến chất lượng báo cáo kiểm toán và tăng khả năng được tiếp cận tới nguồn vốn của ngân hàng. Tuy nhiên, việc công khai mức độ trọng yếu áp dụng và các vấn đề kiểm toán chính không có nhiều tác động trong nghiên cứu này.

*c. Các vấn đề khác*

Kim và Elias (2007) thấy rằng các ngân hàng không phân biệt được sự khác nhau giữa các dịch vụ kiểm toán báo cáo tài chính (soát xét và kiểm toán).

Johnson và cộng sự (1983) và Strawser (1994) cũng đã thực hiện một nghiên cứu đề cập đến các báo cáo tài chính dự báo và cho thấy, việc cung cấp báo cáo tài chính dự báo có đính kèm ý kiến của kiểm toán viên mang đến cho doanh nghiệp vay vốn có khả năng tiếp cận nguồn vốn dễ dàng hơn.

A. Schneider (2013) đã nghiên cứu tác động của việc thay đổi công ty kiểm toán và việc công ty kiểm toán dùng cung cấp dịch vụ đối với các quyết định cho vay và nhận thấy các đánh giá rủi ro và khả năng tiếp cận nguồn vốn của doanh nghiệp là không khác biệt mặc dù có thay đổi công ty kiểm toán. Ngược lại, B.B. Francis và cộng sự (2016) dẫn bằng chứng cho thấy, khi có sự thay đổi công ty kiểm toán, sẽ có tác động tiêu cực đến hợp đồng vay vốn của doanh nghiệp, mức lãi vay cao hơn và có thể bị yêu cầu thêm tài sản thế chấp. Thêm vào đó, mức độ ảnh hưởng sẽ cao hơn trong trường hợp công ty kiểm toán dùng cung cấp dịch vụ kiểm toán cho doanh nghiệp, so với trường hợp doanh nghiệp chủ động thay công ty kiểm toán.

## **2.2. Những nghiên cứu ở trong nước**

Tại Việt Nam, số lượng các nghiên cứu để phục vụ nhu cầu người sử dụng thông tin là các ngân hàng thương mại rất hạn chế. Phần lớn các nghiên cứu về thông tin kế toán được công bố bởi doanh nghiệp niêm yết để phục vụ cho các nhà đầu tư trên thị trường chứng khoán. Những nghiên cứu tập trung vào nhu cầu thông tin của các ngân hàng thương mại hiện nay lại hướng chủ yếu vào thông tin kế toán của loại hình doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Liên quan tới tầm quan trọng của thông tin kế toán công bố, trong nghiên cứu của Nguyễn Bích Ngọc (2018) nhận thấy trong quá trình đưa ra quyết định cho vay các

doanh nghiệp nhỏ và vừa tại Việt Nam, các thông tin kế toán lại có tầm quan trọng tương đối thấp do mức độ tin cậy của các báo cáo tài chính này. Tuy nhiên trong quá trình phỏng vấn chuyên gia, Nguyễn Bích Ngọc (2018) nhận thấy rằng, các thông tin kế toán sẽ có tầm quan trọng cao hơn nếu doanh nghiệp đó là doanh nghiệp niêm yết. Trong khi đó, trong nghiên cứu vai trò của phân tích báo cáo tài chính với hoạt động đánh giá tài chính của khách hàng tại các ngân hàng thương mại năm 2019, Lê Thị Bình đã ghi nhận tầm quan trọng của thông tin kế toán doanh nghiệp trong quyết định cho vay của các ngân hàng, không phân biệt loại hình doanh nghiệp.

Nguyễn Đức Dũng và Nguyễn Hữu Ánh (2020) nhận thấy tầm quan trọng của báo cáo lưu chuyển tiền tệ trong quá trình quyết định cho vay của các ngân hàng thương mại tại Việt Nam. Tuy nhiên, nghiên cứu này cũng chỉ ra rằng, nếu như doanh nghiệp tạo ra lợi nhuận trong kỳ, việc lập hay không lập báo cáo lưu chuyển tiền tệ cũng không ảnh hưởng tới quyết định của các ngân hàng.

Ngoài ra, có nhiều nghiên cứu tại Việt Nam về các nhân tố ảnh hưởng tới chất lượng thông tin kế toán công bố của các doanh nghiệp niêm yết trên thị trường chứng khoán, Lê Thị Mỹ Hạnh (2015), Đặng Thị Bích Ngọc (2018) nhận thấy các nhân tố như đòn bẩy tài chính, lợi nhuận, công ty kiểm toán và hội đồng quản trị có ảnh hưởng đến chất lượng thông tin kế toán của các doanh nghiệp niêm yết.

### **2.3. Đánh giá chung tình hình nghiên cứu**

Qua tổng quan các nghiên cứu được trình bày ở trên, tác giả nhận thấy một số “khoảng trống” của các nghiên cứu trước đây như sau:

Thứ nhất, hầu hết những nghiên cứu về nhu cầu thông tin của người sử dụng báo cáo tài chính chủ yếu tập trung vào các nhà đầu tư trên thị trường chứng khoán. Còn những nghiên cứu để đáp ứng nhu cầu thông tin của các ngân hàng thương mại – một nguồn cung ứng vốn lớn cho các doanh nghiệp, bao gồm các doanh nghiệp niêm yết – lại ít được các nhà nghiên cứu để ý tới.

Thứ hai, trong các nghiên cứu về thông tin kế toán để đáp ứng nhu cầu thông tin của các ngân hàng thương mại, chủ yếu được thực hiện tại các nước phát triển như Anh, Canada, Úc hoặc Mỹ. Chỉ có một số ít nghiên cứu ở các nước đang phát triển như Trung Quốc, Zimbabwe, Bostwana...

Tại Việt Nam, đã có một vài nghiên cứu liên quan tới thông tin kế toán ảnh hưởng lên quyết định của các ngân hàng thương mại, tuy nhiên những nghiên cứu này chủ yếu tập trung vào các doanh nghiệp nhỏ và vừa

Các doanh nghiệp Việt Nam phụ thuộc rất lớn vào nguồn vốn từ các ngân hàng thương mại. Việc tìm hiểu nhu cầu thông tin của các ngân hàng thương mại là một yêu cầu cấp thiết để nâng cao chất lượng và tính hữu ích của các thông tin kế toán được công bố bởi doanh nghiệp niêm yết. Từ tính cấp thiết và những khoảng trống nghiên cứu trên, luận án sẽ tập trung vào tìm hiểu về các quy định về thông tin kế toán công

bộ của doanh nghiệp niêm yết, nhu cầu thông tin kế toán công bố của các ngân hàng thương mại tại Việt Nam và mức độ đáp ứng nhu cầu đó.

### **3. MỤC TIÊU NGHIÊN CỨU**

Mục tiêu của nghiên cứu này bao gồm đánh giá thực trạng các thông tin kế toán được công bố bởi doanh nghiệp niêm yết hiện này, và tìm hiểu về nhu cầu, cách thức các ngân hàng thương mại sử dụng thông tin kế toán của doanh nghiệp niêm yết trong quyết định cho vay của mình. Từ đó, luận án sẽ đề xuất các giải pháp và khuyến nghị với các bên liên quan, nhằm hoàn thiện hơn các thông tin kế toán công bố bởi các doanh nghiệp niêm yết, giúp các doanh nghiệp dễ dàng hơn trong việc tiếp cận nguồn vốn từ ngân hàng thương mại và đồng thời hỗ trợ hiệu quả các ngân hàng thương mại trong quá trình sử dụng các thông tin này.

### **4. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHẠM VI NGHIÊN CỨU**

#### **4.1. Đối tượng nghiên cứu của luận án là**

- Thông tin kế toán công bố của các doanh nghiệp niêm yết tại Việt Nam
- Nhu cầu của các ngân hàng thương mại tại Việt Nam về thông tin kế toán công bố bởi các doanh nghiệp niêm yết trong việc ra các quyết định cho vay và các quyết định có liên quan

#### **4.2. Phạm vi nghiên cứu:**

- *Phạm vi về nội dung:* Luận án tập trung vào các vấn đề (1) Thông tin kế toán công bố của các doanh nghiệp niêm yết tại Việt Nam (2) Nhu cầu của các ngân hàng thương mại tại Việt Nam về thông tin kế toán công bố bởi các doanh nghiệp niêm yết trong việc ra các quyết định có liên quan.

- *Phạm vi về không gian:* Các doanh nghiệp niêm yết và các ngân hàng thương mại tại Việt Nam

- *Phạm vi về thời gian:* Dữ liệu được thu thập từ năm 2018 đến 2020

### **5. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU VÀ KHUNG NGHIÊN CỨU**

#### **5.1 Phương pháp luận:**

Luận án sử dụng phương pháp nghiên cứu duy vật biện chứng kết hợp với duy vật lịch sử. Luận án tiến hành phân tích các vấn đề trên cơ sở mối quan hệ sự vật, hiện tượng và tính lịch sử của chúng.

#### **5.2. Phương pháp nghiên cứu**

Để giải quyết được mục tiêu nghiên cứu, trả lời các câu hỏi nghiên cứu, tác giả sử dụng kết hợp nghiên cứu định tính và định lượng trong luận án của mình:

##### *a. Nghiên cứu định tính*

Tác giả thực hiện phương pháp phỏng vấn chuyên gia nhằm nghiên cứu khám phá, thu thập thông tin liên quan tới nhu cầu thông tin của ngân hàng và tầm quan trọng của các thông tin kế toán công bố trong quyết định của ngân hàng. Việc phỏng



vẫn được thực hiện với các cán bộ thẩm định tín dụng của khối khách hàng doanh nghiệp lớn của các ngân hàng thương mại tại Việt Nam.

#### *b. Nghiên cứu định lượng*

Tác giả chủ yếu sử dụng phương pháp thống kê mô tả dựa vào các dữ liệu thu thập được thông qua điều tra sử dụng bảng hỏi, với mục đích thu thập những nhận định của các ngân hàng thương mại về thực trạng các thông tin kế toán do doanh nghiệp niêm yết công bố và mức độ đáp ứng nhu cầu các ngân hàng. Bảng hỏi được xây dựng dựa trên các thông tin kế toán mà doanh nghiệp niêm yết phải có nghĩa vụ công bố. Các câu trả lời được xây dựng theo Thang đo Likert 5 điểm. Tất cả các phiếu điều tra được đưa vào nhập liệu trên phần mềm SPSS để xử lý và đưa ra kết quả

### **6. MỘT SỐ LÝ THUYẾT NỀN TẢNG CHO NGHIÊN CỨU CỦA LUẬN ÁN**

*Bao gồm:* Lý thuyết về thông tin hữu ích cho việc ra quyết định; Lý thuyết tín hiệu; Lý thuyết các bên liên quan; Lý thuyết chi phí sở hữu.

### **7. ĐÓNG GÓP CỦA LUẬN ÁN VỀ MẶT LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN**

*a. Về mặt lý luận:* Luận án hệ thống hóa thông tin kế toán công bố bởi doanh nghiệp niêm yết, nhu cầu thông tin của ngân hàng thương mại trong quyết định của mình; Luận án khái quát về doanh nghiệp niêm yết tại Việt Nam và các nguồn vốn có thể tiếp cận được, quy trình thẩm định tín dụng của các ngân hàng thương mại tại Việt Nam

*b. Về mặt thực tiễn:* Luận án đánh giá thực trạng về các quy định pháp lý và vận dụng quy định pháp lý để công bố các thông tin kế toán của doanh nghiệp niêm yết; Tìm hiểu nhu cầu thông tin của các ngân hàng thương mại tại Việt Nam đối với doanh nghiệp niêm yết; Đánh giá mức độ đáp ứng của các thông tin kế toán công bố bởi doanh nghiệp niêm yết với nhu cầu sử dụng thông tin của các ngân hàng thương mại tại Việt Nam; và đề xuất một số giải pháp hoàn thiện.

### **8. KẾT CẤU CỦA LUẬN ÁN**

Ngoài các phần mở đầu, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo và các phụ lục, luận án bao gồm 3 chương chính sau:

- Chương 1: Lý luận thông tin kế toán công bố của doanh nghiệp niêm yết đáp ứng nhu cầu thông tin của các ngân hàng thương mại
- Chương 2: Thực trạng thông tin kế toán công bố của các doanh nghiệp niêm yết nhằm đáp ứng nhu cầu thông tin của các ngân hàng thương mại tại Việt Nam
- Chương 3: Giải pháp hoàn thiện thông tin kế toán công bố của các doanh nghiệp niêm yết nhằm đáp ứng nhu cầu thông tin của các ngân hàng thương mại tại Việt Nam.

# CHƯƠNG 1.

## LÝ LUẬN THÔNG TIN KẾ TOÁN CÔNG BỐ CỦA DOANH NGHIỆP NIÊM YẾT ĐÁP ỨNG NHU CẦU THÔNG TIN CỦA CÁC NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI

### 1.1. THÔNG TIN KẾ TOÁN CÔNG BỐ CỦA DOANH NGHIỆP NIÊM YẾT

#### 1.1.1. Tổng quan về doanh nghiệp niêm yết

##### 1.1.1.1. Khái niệm về doanh nghiệp niêm yết

“Doanh nghiệp niêm yết là công ty cổ phần có cổ phiếu được phép mua bán trên các sàn giao dịch chứng khoán”. Khái niệm này cũng được áp dụng rộng rãi tại các quốc gia trên toàn thế giới. Tuy nhiên, điều kiện để được niêm yết sẽ có sự khác biệt giữa các quốc gia, phụ thuộc vào điều kiện kinh tế - xã hội cụ thể hiện tại của quốc gia đó.

##### 1.1.1.2. Đặc điểm của doanh nghiệp niêm yết

###### a. Số lượng cổ đông lớn và thường xuyên thay đổi:

Doanh nghiệp niêm yết có cổ phiếu giao dịch tự do trên các sàn giao dịch chứng khoán, nên số lượng cổ đông có khả năng thay đổi liên tục.

###### b. Chịu sự kiểm soát chặt chẽ từ các cơ quan quản lý Nhà nước

- Về quản trị công ty

Doanh nghiệp niêm yết sẽ phải tuân thủ theo các chuẩn mực quản trị công ty theo quy định của luật doanh nghiệp và luật chứng khoán.

- Về công bố thông tin

Tình hình hoạt động của doanh nghiệp sẽ ảnh hưởng tới số lượng không nhỏ các nhà đầu tư đang nắm giữ cổ phiếu của doanh nghiệp, do đó sẽ phải chịu sự kiểm tra, giám sát chặt chẽ từ các cơ quan nhà nước và các nhà đầu tư trên thị trường thông qua việc công khai các thông tin về hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính và các kế hoạch phát triển của doanh nghiệp.

##### 1.1.1.3. Các hình thức tăng nguồn vốn của doanh nghiệp niêm yết

Nguồn vốn được xem là điều kiện tiên quyết để cho một doanh nghiệp có thể được thành lập và vận hành một cách hiệu quả. Một trong những lợi thế của doanh nghiệp niêm yết, so với các loại hình doanh nghiệp khác, đó chính là khả năng tiếp cận các nguồn vốn với nhiều hình thức khác nhau

###### a. Tăng vốn góp

- Chào bán phát hành thêm cổ phiếu

- Phát hành cổ phiếu thưởng (hay trả cổ tức bằng cổ phiếu)

###### b. Vốn vay

- Phát hành trái phiếu

- Vay các tổ chức trung gian tài chính

## **1.1.2. Tổng quan thông tin kế toán công bố của doanh nghiệp niêm yết**

### **1.1.2.1. Khái quát về thông tin kế toán công bố**

#### *a. Khái niệm thông tin kế toán công bố*

Thông tin kế toán công bố (Accounting Disclosures) bao gồm tất cả các thông tin liên quan đến tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Thông thường, các thông tin này được trình bày trên hệ thống các báo cáo do bộ phận kế toán cung cấp

#### *b. Vai trò, ý nghĩa của thông tin kế toán công bố*

Thông tin mà doanh nghiệp công bố ra bên ngoài là kênh cung cấp thông tin chính thống và có giá trị pháp lý cao; có vai trò đặc biệt quan trọng trong việc hỗ trợ các đối tượng sử dụng thông tin của doanh nghiệp đưa ra các quyết định kinh tế của mình.

### **1.1.2.2. Phân loại thông tin kế toán công bố**

#### *a. Phân loại theo thời gian yêu cầu công bố*

- Thông tin công bố định kỳ
- Thông tin công bố bất thường
- Thông tin công bố theo yêu cầu

#### *b. Phân loại theo nội dung thông tin công bố*

- Thông tin trên bảng cân đối kế toán
- Thông tin trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh
- Thông tin trên báo cáo lưu chuyển tiền tệ
- Thông tin trên Thuyết minh báo cáo tài chính

## **1.2. NHU CẦU THÔNG TIN CỦA CÁC NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI**

### **1.2.1. Tổng quan về ngân hàng thương mại**

#### **1.2.1.1. Khái niệm về ngân hàng thương mại**

Luật các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 định nghĩa Ngân hàng thương mại là loại hình ngân hàng được thực hiện tất cả các hoạt động ngân hàng và các hoạt động kinh doanh khác theo quy định của Luật các tổ chức tín dụng và các quy định khác của pháp luật, ngân hàng thương mại có ba chức năng chính (1) trung gian tín dụng; (2) trung gian thanh toán; và (3) chức năng tạo tiền

#### **1.2.1.2. Các nghiệp vụ của ngân hàng thương mại**

- Nghiệp vụ huy động vốn
- Nghiệp vụ sử dụng vốn
- Nghiệp vụ trung gian

## **1.2.2. Nhu cầu thông tin của ngân hàng thương mại**

### **1.2.2.1. Nhu cầu thông tin trong các nghiệp vụ của ngân hàng thương mại**

Trong nghiệp vụ huy động vốn và nghiệp vụ trung gian là các nghiệp vụ có rủi ro khá thấp, hồ sơ thường chỉ chú trọng tới các giấy tờ pháp lý, các giấy tờ chứng minh quyền của doanh nghiệp...

Tuy nhiên, tại nghiệp vụ sử dụng vốn, cụ thể nghiệp vụ đầu tư và nghiệp vụ cho vay, các ngân hàng thương mại sẽ phải có những xem xét, phân tích tỉ mỉ hơn, vì đây là các nghiệp vụ tạo ra nguồn thu nhập chủ yếu của ngân hàng

### **1.2.2.2. Nhu cầu thông tin trong nghiệp vụ cho vay**

#### *a. Các nguyên tắc cho vay của ngân hàng thương mại*

- Sử dụng vốn vay đúng mục đích đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng: nhằm đảm bảo hiệu quả sử dụng vốn vay và khả năng thu hồi nợ sau này.

- Phải hoàn trả gốc và lãi đúng hạn

- Bảo đảm an toàn trong hoạt động cho vay: Hoạt động cho vay luôn tiềm ẩn rủi ro, để đảm bảo an toàn hiệu quả trong cho vay và tránh rủi ro, các ngân hàng thương mại phải làm tốt việc kiểm tra, đánh giá khả năng hoàn trả vốn vay của người vay vốn.

#### *b. Quy trình cho vay*

Quy trình cho vay được xây dựng dựa trên tổng hợp các nguyên tắc cho vay, các qui định của ngân hàng trong việc cho vay. Quy trình này bao gồm các khâu: *Bước 1*: Tiếp nhận hồ sơ; *Bước 2*: Thẩm định hồ sơ, *Bước 3*: Quyết định cho vay; *Bước 4*: Xây dựng và kí kết hợp đồng tín dụng; *Bước 5*: Giải ngân và kiểm soát trong khi cấp tín dụng; *Bước 6*: Giám sát, thu nợ và thanh lý tín dụng

#### *c. Nội dung thẩm định tín dụng*

Nội dung 1: Thẩm định tư cách của khách hàng vay vốn

Nội dung 2: Thẩm định khả năng tài chính

Nội dung 3: Thẩm định phương án sản xuất kinh doanh hoặc dự án đầu tư

Nội dung 4: Thẩm định tài sản đảm bảo

Nội dung 5: Châm điểm và xếp hạng tín dụng doanh nghiệp

Trong nội dung thẩm định tín dụng, thông tin kế toán công bố bởi doanh nghiệp niêm yết sẽ đóng vai trò quan trọng trong việc giúp ngân hàng đánh giá được khả năng tài chính của doanh nghiệp có đảm bảo được việc trả nợ gốc và lãi, và từ đó tạo cơ sở để các ngân hàng đưa ra quyết định cho vay của mình.

## **KẾT LUẬN CHƯƠNG 1**

Chương 1 đã giới thiệu và làm sáng tỏ những vấn đề lý luận về thông tin kế toán công bố bởi doanh nghiệp niêm yết và nhu cầu thông tin của các ngân hàng thương mại với khách hàng vay vốn là doanh nghiệp niêm yết. Những vấn đề lý luận được trình bày là cơ sở để nghiên cứu các chương 2 và chương 3 của luận án.

## CHƯƠNG 2

### THỰC TRẠNG THÔNG TIN KẾ TOÁN CÔNG BỐ CỦA CÁC DOANH NGHIỆP NIÊM YẾT NHẪM ĐÁP ỨNG NHU CẦU THÔNG TIN CỦA CÁC NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI TẠI VIỆT NAM

#### 2.1. KHÁI QUÁT VỀ DOANH NGHIỆP NIÊM YẾT VÀ NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI TẠI VIỆT NAM

##### 2.1.1. Khái quát về doanh nghiệp niêm yết tại Việt Nam

###### 2.1.1.1. Điều kiện niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam

Tính đến tháng 06 năm 2021, đã có 744 doanh nghiệp niêm yết trên cả 2 sàn chứng khoán, trong đó sàn HNX là 385 và sàn HOSE là 359. Theo Nghị định 58/2012/NĐ-CP, những doanh nghiệp được chấp thuận niêm yết trên thị trường chứng khoán phải là những công ty tại thời điểm đăng ký niêm yết phải có lãi và tình hình hoạt động sản xuất - kinh doanh và tình hình tài chính tốt.

###### 2.1.1.2. Thực trạng tiếp cận nguồn vốn của các doanh nghiệp niêm yết thông qua thị trường chứng khoán

Khi trở thành một doanh nghiệp niêm yết, các doanh nghiệp sẽ được tiếp cận nguồn vốn đến từ các nhà đầu tư đang tham gia trên thị trường chứng khoán. Tuy nhiên không phải doanh nghiệp niêm yết nào cũng có thể tiếp cận được các nguồn vốn trên thị trường chứng khoán bởi các lí do:

- (1) Các nhà đầu tư thường chỉ quan tâm tới các doanh nghiệp dẫn đầu thị trường
- (2) Khó khăn trong việc tiếp cận nguồn vốn thông qua phát hành trái phiếu

##### 2.1.2. Khái quát về các ngân hàng thương mại tại Việt Nam

Tính đến thời điểm cuối quý 3 năm 2021, trên hệ thống ngân hàng thương mại tại Việt Nam hiện có tổng 49 ngân hàng. Trong đó bao gồm 04 ngân hàng thương mại Nhà nước, 31 ngân hàng thương mại cổ phần, 09 ngân hàng thương mại cổ phần 100% vốn nước ngoài, 02 ngân hàng thương mại liên doanh và hơn 51 chi nhánh các ngân hàng nước ngoài đang có mặt tại Việt Nam. Các hoạt động ngân hàng bao gồm việc kinh doanh, cung ứng thường xuyên một hoặc một số nghiệp vụ sau đây: nhận tiền gửi; cấp tín dụng; cung ứng dịch vụ thanh toán qua tài khoản. Hoạt động của ngân hàng thương mại đa dạng, phức tạp và luôn thay đổi để bắt kịp sự thay đổi nhanh của nền kinh tế.

Tín dụng là hoạt động chủ lực của ngân hàng thương mại, gắn với quá trình chu chuyển vốn của nền kinh tế, tuy nhiên, trong thực tiễn, hoạt động tín dụng luôn tiềm ẩn khả năng phát sinh rủi ro làm ảnh hưởng đến thu nhập và nguồn vốn của ngân hàng thương mại, vì vậy, vấn đề quản trị rủi ro, nhất là quản trị rủi ro tín dụng luôn được các ngân hàng thương mại đặc biệt chú trọng.

## **2.2. THỰC TRẠNG THÔNG TIN KẾ TOÁN CÔNG BỐ CỦA DOANH NGHIỆP NIÊM YẾT TẠI VIỆT NAM**

### **2.2.1. Thực trạng về các quy định liên quan tới thông tin kế toán công bố của doanh nghiệp niêm yết tại Việt Nam**

#### **2.2.1.1. Các quy định đối với các công ty niêm yết**

##### *a. Quy định về điều kiện trở thành doanh nghiệp niêm yết*

Luật chứng khoán – Luật số 54/2019/QH14 được ban hành vào ngày 26 tháng 11 năm 2019 của Quốc hội khóa 14 quy định các hoạt động về chứng khoán và thị trường chứng khoán, trong đó có quy định Doanh nghiệp niêm yết là các công ty đại chúng có chứng khoán niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán hoặc trung tâm giao dịch chứng khoán.

Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ban hành ngày 27 tháng 12 năm 2012 có quy định về điều kiện để niêm yết cổ phiếu tại các Sở giao dịch chứng khoán

##### *b. Quy định về công bố thông tin của doanh nghiệp niêm yết*

Các quy định về nghĩa vụ công bố thông tin của doanh nghiệp niêm yết được hướng dẫn trong Thông tư số 155/2015/TT-BTC áp dụng cho các năm tài chính từ giai đoạn 2015 - 2020, và trong bản thay thế mới nhất Thông tư số 96/2020/TT-BTC áp dụng cho các năm tài chính 2021 trở đi,

##### *c. Các quy định về thông tin công bố định kỳ*

Tại chương II và chương III của Thông tư số 155/2015/TT-BTC và Thông tư số 96/2020/TT-BTC, có quy định một số thông tin mà DNNY phải công bố định kỳ, bao gồm: Báo cáo thường niên, Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán; Báo cáo tài chính bán niên đã được soát xét; Báo cáo tài chính quý - dạng đầy đủ; Các giải trình nguyên nhân biến động và ý kiến của kiểm toán. Bên cạnh các thông tin trên Báo cáo tài chính và Báo cáo thường niên, định kỳ các doanh nghiệp niêm yết phải công bố báo cáo tình hình quản trị (định kỳ 06 tháng); Các tài liệu trước họp Đại hội đồng cổ đông thường niên, Biên bản họp và Nghị quyết sau khi kết thúc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên; Thông tin về hoạt động chào bán chứng khoán; Báo cáo sử dụng vốn (khi huy động vốn để thực hiện dự án đầu tư) và thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài.

##### *d. Các quy định về thông tin công bố bất thường liên quan đến Báo cáo tài chính:*

Công ty đại chúng phải công bố thông tin bất thường trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi xảy ra một trong các sự kiện có thể có ảnh hưởng tới tình hình tài chính, tình hình hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp

##### *e. Quy định về báo cáo tài chính*

Bộ báo cáo tài chính của doanh nghiệp niêm yết phải bao gồm các báo cáo sau: Bảng cân đối kế toán; Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; Bàn thuyết minh BCTC theo quy định pháp luật kế toán.

Thông tin trình bày trên Báo cáo tài chính phải phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, tình hình và kết quả kinh doanh của doanh nghiệp. Để đảm bảo sự trung thực, thông tin phải có 3 tính chất là đầy đủ, khách quan, không có sai sót.

\* Nguyên tắc lập và trình bày Báo cáo tài chính

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính phải tuân thủ các quy định tại Chuẩn mực kế toán “Trình bày Báo cáo tài chính” và các chuẩn mực kế toán khác có liên quan.

#### *f. Quy định về báo cáo thường niên*

Báo cáo thường niên được xem là một tài liệu xuất bản hàng năm mà một công ty cần cung cấp cho các cổ đông nhằm mô tả các hoạt động và tình hình tài chính của công ty. Một báo cáo thường niên sẽ bao gồm các nội dung sau: Thông tin chung về doanh nghiệp; Tình hình hoạt động trong năm; Báo cáo đánh giá của Ban giám đốc về tình hình của công ty; Đánh giá của hội đồng quản trị; Quản trị công ty và Báo cáo tài chính bao gồm ý kiến kiểm toán và báo cáo tài chính đã được kiểm toán

#### **2.2.1.2. Các quy định đối với công ty kiểm toán các doanh nghiệp niêm yết**

##### *a. Điều kiện để trở thành tổ chức kiểm toán được chấp thuận*

Theo quy định về kiểm toán độc lập đối với đơn vị có lợi ích công chúng do Bộ Tài chính ban hành tại Nghị định số Nghị định 84/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 07 năm 2016, tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng phải có đủ 9 điều kiện.

##### *b. Quy định liên quan đến các dịch vụ bảo đảm báo cáo tài chính của các tổ chức kiểm toán*

Các doanh nghiệp niêm yết được yêu cầu công bố định kỳ báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán và báo cáo tài chính bán niên phải được soát xét bởi các tổ chức kiểm toán được chấp thuận. Mức độ đảm bảo của hợp đồng kiểm toán được quy định rõ trong Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam

#### **2.2.2. Thực trạng công bố thông tin của các doanh nghiệp niêm yết tại Việt Nam**

##### **2.2.2.1. Tuân thủ về công bố thông tin kế toán**

Qua khảo sát trực tiếp các báo cáo tài chính và báo cáo thường niên của các doanh nghiệp niêm yết trên 2 sàn HOSE và HNX, các doanh nghiệp đều đã thực hiện công bố các thông tin theo quy định hiện hành về chế độ kế toán và chuẩn mực kế toán Việt Nam. Tuy nhiên, hiện tại còn nhiều doanh nghiệp chưa đáp ứng được yêu cầu về mặt thời gian nộp các thông tin kế toán

##### **2.2.2.2. Nội dung trên Báo cáo thường niên**

Báo cáo thường niên có đầy đủ các đầu mục theo quy Tuy nhiên, về tổng quan, chất lượng báo cáo thường niên vẫn còn chênh lệch nhiều giữa các doanh nghiệp niêm yết. Với các doanh nghiệp đầu ngành, các doanh nghiệp có đối tác và chủ sở hữu là các tổ chức lớn và danh tiếng trên thế giới, có trình bày thêm các thông tin chi tiết trên mức

yêu cầu của quy định, khiến báo cáo thường niên trở nên phong phú với nhiều thông tin bổ ích, giúp người đọc hiểu rõ hơn hoạt động của doanh nghiệp. Tuy nhiên, các báo cáo thường niên của doanh nghiệp có quy mô vốn hóa nhỏ và trung bình, thường chỉ thấy các nội dung tối thiểu theo yêu cầu của các qui định hiện hành.

### **2.2.2.3. Nội dung trên Báo cáo tài chính**

Hầu hết các doanh nghiệp niêm yết đã chấp hành công bố các báo cáo tài chính theo định kỳ của mình. Các báo cáo tài chính năm, bán niên đều được các công ty kiểm toán được chấp thuận tiến hành kiểm toán hoặc soát xét. Báo cáo tài chính được công bố bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Các doanh nghiệp niêm yết là công ty mẹ cũng đảm bảo công bố đầy đủ 02 bộ báo cáo: Báo cáo tài chính riêng của công ty mẹ và Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các số liệu trên Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ chỉ là những con số tổng hợp, chỉ hữu ích khi sử dụng để phân tích các chỉ số của doanh nghiệp. Người sử dụng báo cáo tài chính cần thêm những chi tiết để hiểu rõ hơn bản chất những con số tổng hợp đó, tuy nhiên, trong thuyết minh báo cáo tài chính hầu hết những thông tin được thuyết minh chỉ đáp ứng được một phần rất nhỏ nhu cầu của người sử dụng và phần lớn phục vụ mục đích tuân thủ các quy định của pháp luật, thay vì lợi ích của người sử dụng báo cáo tài chính

### **2.2.2.4. Giải trình về ý kiến kiểm toán và biến động bất thường của LNST**

Phần lớn các giải trình này chỉ lập với mục đích hoàn thành nghĩa vụ công bố thông tin, còn nội dung giải trình của các doanh nghiệp niêm yết thường không rõ ràng, thậm chí còn không cung cấp được bất kỳ thông tin có ý nghĩa nào cho người sử dụng báo cáo tài chính.

## **2.3. THỰC TRẠNG VỀ NHU CẦU THÔNG TIN KẾ TOÁN CỦA CÁC NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI VỚI KHÁCH HÀNG DOANH NGHIỆP NIÊM YẾT**

### **2.3.1. Mức độ quan trọng của các thông tin kế toán công bố bởi doanh nghiệp niêm yết trong các quyết định của ngân hàng thương mại tại Việt Nam**

#### *a. Kết quả phỏng vấn các chuyên gia ngân hàng*

Các cán bộ tín dụng nhận định quy trình thẩm định doanh nghiệp niêm yết hay các loại hình doanh nghiệp khác về cơ bản là không khác biệt nhau về quy trình; và thông tin kế toán đóng vai trò quan trọng trong việc đánh giá tình hình tài chính của doanh nghiệp, vì các thông tin này cung cấp dữ liệu đầu vào cho quá trình phân tích các chỉ số tài chính của doanh nghiệp.

#### *b. Kết quả khảo sát bằng bảng hỏi*

Trong các nguồn thông tin, thông tin kế toán là nguồn thông tin quan trọng nhất khi ngân hàng thẩm định khách hàng là doanh nghiệp niêm yết.



*Bảng 2.7: Thống kê mô tả các biến trong khảo sát*

	Xếp hạng	Mean	N	Std. Deviation	Std. Error Mean
<b>DOANH NGHIỆP NIÊM YẾT</b>					
Thông tin kế toán	1	1.20	55	0.404	0.054
Phương án SXKD	2	1.96	55	0.816	0.110
Thông tin CIC	3	2.58	55	0.498	0.067
Thông tin nội bộ	4	3.53	55	0.504	0.068
Thông tin từ báo chí	6	4.45	55	0.503	0.068
Thông tin tài sản đảm bảo	5	3.87	55	0.818	0.110
<b>DOANH NGHIỆP KHÔNG NIÊM YẾT</b>					
Thông tin kế toán	4	2.62	55	0.527	0.071
Phương án SXKD	3	2.53	55	0.573	0.077
Thông tin CIC	2	1.89	55	0.916	0.124
Thông tin nội bộ	5	3.51	55	0.505	0.068
Thông tin từ báo chí	6	4.47	55	0.504	0.068
Thông tin tài sản đảm bảo	1	1.78	55	0.937	0.126

(Nguồn: tác giả xử lý dữ liệu từ phần mềm SPSS)

### **2.3.2. Khảo sát về mức độ ảnh hưởng của các thông tin kế toán công bố định kỳ lên các quyết định cấp tín dụng của ngân hàng thương mại**

#### **2.3.2.1. Mức độ ảnh hưởng của các báo cáo trình bày các thông tin kế toán công bố**

##### *- Kết quả phỏng vấn các chuyên gia ngân hàng*

Các cán bộ thường quan tâm đến nội dung báo cáo tài chính năm được gửi tới doanh nghiệp, và thường sử dụng báo cáo thường niên để khẳng định rằng các báo cáo tài chính mình nhận được là trùng khớp với các thông tin mà doanh nghiệp đã công bố.

##### *- Kết quả từ khảo sát bằng bảng hỏi*

Kết quả khảo sát hoàn toàn phù hợp với trả lời thu thập được từ phỏng vấn sâu.

**Bảng 2.8: Thống kê mô tả đánh giá tầm quan trọng của các thông tin kế toán dựa trên kết quả khảo sát**

	Xếp hạng	Mean	N	Std. Deviation	Std. Error Mean
Báo cáo thường niên	3	1.964	55	0.838	0.113
Báo cáo tài chính năm	1	1.327	55	0.474	0.064
Ý kiến kiểm toán BCTC năm	2	1.600	55	0.494	0.067
Báo cáo tài chính bán niên	4	2.509	55	0.505	0.068
Ý kiến soát xét BCTC bán niên	5	2.527	55	0.504	0.068
Báo cáo tài chính quý	8	3.564	55	0.501	0.067
Giải trình ý kiến kiểm toán	7	3.145	55	0.705	0.095
Giải trình biến động lớn	6	3.127	55	0.840	0.113

(Nguồn: tác giả xử lý dữ liệu từ phần mềm SPSS)

#### **2.3.2.2. Mức độ ảnh hưởng của các báo cáo tài chính trong quyết định của ngân hàng**

##### *- Kết quả phỏng vấn các chuyên gia ngân hàng*

Các cán bộ tham gia trả lời phỏng vấn đánh giá cả 03 báo cáo này đều có tầm quan trọng trong việc thẩm định tình hình tài chính của doanh nghiệp. Trong đó 8/11

người được phỏng vấn chỉ ra bảng cân đối kế toán và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh có phần nào quan trọng hơn, báo cáo lưu chuyển tiền tệ ít được quan tâm hơn vì một số ngân hàng có phần mềm hoặc file excel để lập báo cáo lưu chuyển tiền tệ theo phương pháp gián tiếp dựa trên bảng cân đối kế toán và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Đó cũng là lí do vì sao các cán bộ thẩm định thích sử dụng báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp trực tiếp hơn

- *Kết quả từ khảo sát bằng bảng hỏi*

Bảng 2.9: Thống kê mô tả đánh giá tầm quan trọng của các báo cáo tài chính

	Xếp hạng	Mean	N	Std. Deviation	Std. Error Mean
Bảng cân đối kế toán	1	1.440	55	0.501	0.067
Báo cáo kết quả HĐKD	2	1.470	55	0.504	0.068
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	3	1.560	55	0.501	0.067

(Nguồn: tác giả xử lý dữ liệu từ phần mềm SPSS)

Kết quả khảo sát về tầm quan trọng của các báo cáo tài chính cũng cho kết quả tương tự với các câu trả lời thu thập được thông qua phỏng vấn sâu.

### 2.3.2.3. *Mức độ quan tâm đến từng chỉ tiêu cụ thể trên báo cáo tài chính*

Khi thẩm định tín dụng của các doanh nghiệp, dù niêm yết hay không niêm yết, các cán bộ thẩm định sẽ đều chủ yếu đánh giá dựa trên các chỉ số tài chính của doanh nghiệp để đánh giá về tình hình tài chính, tình hình sản xuất kinh doanh và luồng tiền của doanh nghiệp xin vay vốn. Các nhóm chỉ số được sử dụng bao gồm: (1) Các chỉ tiêu thanh toán bao gồm xem xét khả năng thanh toán ngắn hạn và khả năng thanh toán nhanh của doanh nghiệp. (2) Các chỉ tiêu hoạt động bao gồm đánh giá vòng quay hàng tồn kho, kỳ thu tiền bình quân và hiệu quả sử dụng tài sản; (3) Các chỉ tiêu về cơ cấu tài chính so sánh tỉ trọng Nợ của doanh nghiệp trên các chỉ tiêu tổng hợp của báo cáo tài chính như Tổng tài sản, vốn chủ sở hữu, ... (4) Các chỉ tiêu về khả năng sinh lợi so sánh lợi nhuận của doanh nghiệp tạo được trên tổng doanh thu, tổng tài sản và tổng vốn chủ sở hữu; (5) Các chỉ tiêu liên quan tới tỉ suất lưu chuyển tiền tệ từ hoạt động kinh doanh trên lợi nhuận trước thuế và vốn chủ sở hữu; (6) Hệ số nguy cơ phá sản hay còn gọi là điểm số Altman (trong tiếng Anh còn gọi là Z Score)

### 2.3.3. *Khảo sát về mức độ đáp ứng của các thông tin kế toán công bố với nhu cầu thông tin của Ngân hàng thương mại*

Các đối tượng phỏng vấn đều nhận định rằng các thông tin này mới chỉ đáp ứng được phần nào nhu cầu sử dụng. Do số liệu là các báo cáo tài chính đã được kiểm toán, nên độ tin cậy của các báo cáo tài chính sẽ cao hơn so với các báo cáo tài chính chỉ phục vụ cho mục đích thuế của các doanh nghiệp khác. Tuy nhiên, các số liệu này phần lớn chỉ có ý nghĩa trong việc phân tích các chỉ số tài chính, vì các số liệu này được đến

từ bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ – các báo cáo này đã có biểu mẫu cụ thể theo quy định, nhưng chỉ là các con số mang ý nghĩa tổng hợp. Còn các số liệu chi tiết trong thuyết minh thực sự chưa cung cấp đầy đủ được các thông tin, vì các doanh nghiệp niêm yết dường như chỉ lập thuyết minh vừa đủ theo các quy định, chứ chưa thực sự phục vụ nhu cầu của người sử dụng thông tin.

Còn các báo cáo tài chính quý hay báo cáo tài chính bán niên; các thông tin kế toán công bố bất thường, cũng do các chuyên viên quan hệ khách hàng theo dõi, và các công bố bất thường này doanh nghiệp niêm yết hoàn toàn chỉ công bố những yêu cầu bắt buộc của thông tư 155 hoặc theo các hướng dẫn trước đó, còn những công bố mang tính tự nguyện khác thì gần như không có.

## **2.4. ĐÁNH GIÁ VỀ THÔNG TIN KẾ TOÁN CỦA CÁC DOANH NGHIỆP NIÊM YẾT VÀ MỨC ĐỘ ĐÁP ỨNG NHU CẦU CỦA CÁC NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI TẠI VIỆT NAM**

### **2.4.1. Những kết quả đạt được**

#### ***2.4.1.1. Các quy định pháp lý về thông tin kế toán công bố của các doanh nghiệp niêm yết hiện nay.***

Việt Nam đã tạo lập một hệ thống kế toán tương đối hoàn chỉnh, phù hợp với cơ chế quản lý của Nhà nước, tiếp cận gần hơn với thông lệ quốc tế. Để hỗ trợ cộng đồng doanh nghiệp có điều kiện thuận lợi trong kinh doanh và đầu tư, Quốc hội, Chính phủ và Bộ Tài chính đã ban hành nhiều văn bản pháp luật, giúp công tác kế toán được thực hiện dễ dàng, minh bạch như: Luật Kế toán, Nghị định hướng dẫn Luật Kế toán; Các thông tư hướng dẫn chế độ kế toán chung đối với doanh nghiệp (Thông tư số 200 và Thông tư số 202/2014/TT-BTC và công bố hệ thống chuẩn mực kế toán)

#### ***2.4.1.2. Vận dụng quy định pháp lý về thông tin kế toán công bố của các doanh nghiệp niêm yết***

Do các quy định ngày càng cao của chế độ chính sách kế toán, nên đội ngũ kế toán tại các doanh nghiệp niêm yết luôn được đào tạo, cập nhật và có trình độ chuyên môn ngày càng được nâng cao, đảm bảo giảm thiểu các sai sót không đáng có hay các lỗi không tuân thủ các chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán hiện hành.

Ngoài ra, các thông tin kế toán công bố của doanh nghiệp có liên quan đến báo cáo tài chính đều đã có ý kiến của các đơn vị kiểm toán độc lập được UBCKNN chấp thuận. Việc này nâng cao mức độ tin cậy của các thông tin kế toán công bố của doanh nghiệp, tăng tính hữu ích của các thông tin khi các ngân hàng thương mại sử dụng để phân tích tình hình tài chính, tình hình hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

Cùng với những quy định ngày càng hoàn chỉnh, những xử lý nghiêm minh liên quan tới các vi phạm về công bố thông tin, thì có thể thấy trách nhiệm của các doanh nghiệp niêm yết khi công bố các thông tin ngày càng được nâng cao

## 2.4.2. Hạn chế và nguyên nhân

### 2.4.2.1. Hạn chế

#### *a. Cách thức trình bày các thông tin kế toán*

##### *- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hầu hết được lập theo phương pháp gián tiếp*

Phương pháp trực tiếp cung cấp các thông tin có thể hữu ích trong việc ước tính về các dòng tiền trong tương lai mà phương pháp gián tiếp không thể mang lại được (IAS17) Hơn nữa, như trình bày ở phần trước, một số ngân hàng có phần mềm để tự tạo báo cáo lưu chuyển tiền tệ theo phương pháp gián tiếp từ các dữ liệu ở bảng cân đối kế toán và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Rõ ràng, việc lập báo cáo lưu chuyển tiền tệ theo phương pháp gián tiếp đã giảm đi phần nào tính hữu ích của báo cáo này cho các cán bộ thẩm định ở ngân hàng thương mại.

##### *- Thông tin thay đổi Vốn chủ sở hữu*

Việc quy định công bố các thay đổi liên quan tới vốn chủ sở hữu chỉ là một phần nằm trong Thuyết minh Báo cáo tài chính làm hạn chế khả năng ra quyết định chính xác, hạn chế đi tầm nhìn về biến động vốn cổ phần của doanh nghiệp. Mặt khác thông tin khi đã nằm trong Thuyết minh thì việc tìm hiểu và xem xét cũng trở nên phức tạp hơn, hoặc thông tin không đủ chi tiết.

##### *- Cách nhóm các khoản mục không thống nhất giữa các báo cáo tài chính*

Khi phỏng vấn sâu, một số cán bộ thẩm định cho rằng báo cáo lưu chuyển tiền tệ có chia ra làm ba hoạt động của doanh nghiệp bao gồm hoạt động kinh doanh, hoạt động đầu tư, hoạt động tài chính rất rõ ràng, giúp cho họ hiểu được dòng tiền của doanh nghiệp đang ra vào các hoạt động đó như thế nào. Nhưng việc chia các hoạt động như vậy, lại không có sự liên kết với bảng cân đối kế toán và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

#### *b. Các nội dung thông tin kế toán công bố*

##### *- Thuyết minh về chính sách kế toán của các khoản mục*

Số liệu trên các báo cáo tài chính là những số liệu mang tính chất tổng hợp. Để hiểu rõ hơn, các số liệu này, cán bộ thẩm định cần tìm đọc trong các Thuyết minh có liên quan. Tuy nhiên, những thuyết minh này, theo các cán bộ thẩm định tham gia khảo sát, nó khá chung chung và không đầy đủ, mang tính hình thức để đáp ứng đủ một cách tối thiểu các quy định về nghĩa vụ công bố thông tin, vấn đề này thậm chí còn gặp ở trên báo cáo tài chính của những doanh nghiệp niêm yết có mức vốn hóa lớn trên thị trường.

##### *- Các ước tính kế toán*

Trong quá trình lập báo cáo tài chính, các doanh nghiệp nói chung và doanh nghiệp niêm yết nói riêng thường sử dụng rất nhiều các ước tính kế toán. Những ước tính này có ảnh hưởng trực tiếp tới giá trị tài sản cũng như lợi nhuận trong kỳ của doanh nghiệp. Vì không có một tiêu chuẩn chính xác về giá trị các ước tính này, nên sẽ

có nhiều sai sót xảy ra liên quan đến các ước tính kế toán trong doanh nghiệp. Bên cạnh các sai sót xuất phát từ chủ đích của doanh nghiệp thì cũng có những sai sót xuất phát từ tính phức tạp của các khoản ước tính và trình độ năng lực của người làm kế toán.

#### **2.4.2.2. Nguyên nhân những hạn chế**

##### *a. Đến từ phía doanh nghiệp:*

Các doanh nghiệp vẫn còn lo sợ việc đưa quá nhiều các thông tin kế toán sẽ gây lộ bí mật kinh doanh và bị các đối thủ cạnh tranh lợi dụng và gây bất lợi cho doanh nghiệp. Ngoài ra các doanh nghiệp vẫn chưa hiểu được những lợi ích mang lại của việc minh bạch thông tin trên thị trường chứng khoán có thể mang lại cho doanh nghiệp. Chất lượng đội ngũ bộ phận làm kế toán của các doanh nghiệp niêm yết không thực sự đồng đều, dẫn đến chất lượng của các thông tin có thể bị ảnh hưởng theo.

##### *b. Đến từ phía các cơ quan Nhà nước*

Các quy định liên quan tới chính sách kế toán và các nội dung thông tin kế toán công bố vẫn còn có khoảng cách so với chuẩn mực kế toán quốc tế. Nhiều nghiệp vụ phát sinh, nhưng vẫn chưa có những hướng dẫn cụ thể từ các cơ quan quản lý ảnh hưởng tới việc ghi nhận hạch toán tại các doanh nghiệp. Hơn nữa, hiệu quả giám sát, thanh tra và xử lý vi phạm về công bố thông tin còn chưa cao, các hình phạt còn chưa có mức răn đe, do đó khiến các doanh nghiệp niêm yết chưa thực sự quan tâm đến vấn đề này.

##### *c. Đến từ phía các Ngân hàng*

Việc thẩm định tín dụng tại các ngân hàng thương mại hiện nay vẫn còn khá máy móc, chủ yếu phân tích dựa vào các chỉ số tài chính của doanh nghiệp. Các chuyên viên thẩm định tín dụng không phải là những người thực sự am hiểu về công tác kế toán tại một doanh nghiệp.

## **KẾT LUẬN CHƯƠNG 2**

Trong chương này, ba nhóm vấn đề chính là quy định pháp lý liên quan đến thông tin kế toán công bố bởi doanh nghiệp niêm yết, nhu cầu sử dụng thông tin kế toán của các ngân hàng thương mại và việc vận dụng quy định pháp lý để lập và trình bày các thông tin kế toán của các doanh nghiệp niêm yết tại Việt Nam được xem xét, tìm hiểu trong mối quan hệ chặt chẽ với nhau. Trên cơ sở những thông tin thực tế thu được, tác giả đánh giá những ưu điểm cũng như hạn chế hiện nay. Đây cũng là tiền đề để tác giả đề xuất những biện pháp nhằm hoàn thiện ở chương 3.

## CHƯƠNG 3

### GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN THÔNG TIN KẾ TOÁN CÔNG BỐ CỦA CÁC DOANH NGHIỆP NIÊM YẾT NHẪM ĐÁP ỨNG NHU CẦU THÔNG TIN CỦA CÁC NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI TẠI VIỆT NAM

#### 3.1. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN THỊ TRƯỜNG TÀI CHÍNH VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 2021 -2030

*a. Định hướng phát triển về tín dụng các ngân hàng thương mại tại Việt Nam*

- Giảm dần tỷ lệ tín dụng ngoại tệ trên tổng tín dụng
- Tăng số lượng doanh nghiệp và người dân tiếp cận với các dịch vụ ngân hàng
- Tiếp tục hoàn thiện khuôn khổ pháp lý, cơ chế chính sách

*b. Định hướng phát triển thị trường chứng khoán*

- Tăng cường kiểm tra, giám sát hoạt động huy động vốn và sử dụng vốn
- Thực hiện phân bổ cổ phiếu niêm yết, nâng cao điều kiện niêm yết
- Tăng cường kiểm tra chất lượng báo cáo tài chính và hoạt động kiểm toán
- Xây dựng, triển khai Đề án áp dụng chuẩn mực kế toán quốc tế;

#### 3.2. NHỮNG YÊU CẦU CƠ BẢN TRONG HOÀN THIỆN THÔNG TIN KẾ TOÁN CÔNG BỐ CỦA DOANH NGHIỆP NIÊM YẾT

- Tuân thủ pháp luật, các chính sách và chế độ kế toán do Nhà nước ban hành
- Phù hợp với nhu cầu sử dụng thông tin của những người sử dụng
- Tiết kiệm và hiệu quả

#### 3.3. GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN THÔNG TIN KẾ TOÁN CÔNG BỐ CỦA DNNY ĐÁP ỨNG NHU CẦU THÔNG TIN CỦA CÁC NHTM

##### 3.3.1. Hoàn thiện kết cấu các thông tin kế toán công bố

###### 3.3.1.1. *Bổ sung Báo cáo thay đổi Vốn chủ sở hữu*

Ngoài các báo cáo theo quy định của chế độ kế toán Việt Nam, giống với quy định của các quốc gia khác thì Báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu nên được chuyển từ phần Thuyết minh lên thành một báo cáo bắt buộc của doanh nghiệp.

###### 3.3.1.2. *Khuyến khích lập báo cáo lưu chuyển tiền tệ theo phương pháp trực tiếp*

Các cán bộ ngân hàng nhận thấy báo cáo lưu chuyển tiền tệ theo phương pháp trực tiếp sẽ mang lại hiệu quả phân tích cao hơn, vì các thông tin được trình bày tương đối liên quan và dễ hiểu. Ngoài ra sự hiểu biết về nguồn tiền cụ thể thu được cũng như mục đích của các khoản chi của hoạt động kinh doanh đã thực hiện sẽ rất hữu ích trong việc ước tính dòng tiền hoạt động kinh doanh trong tương lai.

###### 3.3.1.3. *Tăng tính liên kết giữa các báo cáo tài chính*

Do hiện nay, bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hiện đang được phân chia theo các tiêu thức khác nhau. Do đó

hạn chế việc liên kết các thông tin này để hỗ trợ các cán bộ ngân hàng khi thẩm định. Tác giả kiến nghị cần thay đổi kết cấu của các bảng cân đối kế toán và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, phân chia thành các hoạt động như trên báo cáo lưu chuyển tiền tệ, qua đó giúp cán bộ ngân hàng hiểu được một cách toàn diện về các hoạt động của doanh nghiệp.

#### ***3.3.1.4. Quy định chi tiết các thông tin kế toán doanh nghiệp niêm yết phải thuyết minh cho từng khoản mục***

Các doanh nghiệp niêm yết hiện nay phần lớn cung cấp những thông tin chi vừa đủ đáp ứng những yêu cầu trong chuẩn mực kế toán quy định. Các nội dung thuyết minh do đó không thực sự đầy đủ, vẫn chỉ mang tính hình thức. Do đó, cần nâng cao mức độ chi tiết các nội dung mà doanh nghiệp niêm yết cần công bố.

#### ***3.3.1.5. Trình bày số liệu của các năm trước***

Cần bổ sung quy định về báo cáo tài chính của các doanh nghiệp niêm yết cần trình bày số liệu của 3 hoặc 4 năm gần nhất (năm hiện tại và 2 hoặc 3 năm liền trước). Điều này tăng tính thuận tiện và tạo điều kiện thuận lợi cho cán bộ tín dụng trong việc tiếp cận thông tin, đáp ứng được mục đích so sánh thông tin, việc phân tích xu hướng phát triển của công ty được dễ dàng hơn.

### **3.3.2. Hoàn thiện các quy định liên quan tới các khoản mục trên báo cáo tài chính**

#### ***3.3.2.1. Hoàn thiện hệ thống chuẩn mực kế toán***

Trong giai đoạn việc áp dụng IFRS chưa phải là bắt buộc đối với các doanh nghiệp niêm yết, cần hoàn thiện hệ thống chuẩn mực kế toán hiện có để phù hợp dần với những quy định trong chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế IFRS, làm cơ sở cho các doanh nghiệp niêm yết sẵn sàng trong việc áp dụng chuẩn mực báo cáo tài chính trong thời gian sắp tới.

#### ***3.3.2.2. Hoàn thiện cơ sở để trích lập các khoản dự phòng***

Một trong những yếu tố đánh giá được tính minh bạch và trung thực của báo cáo tài chính đó là những thông tin liên quan đến các ước tính kế toán. Ước tính kế toán chính là một trong những công cụ chủ yếu để những nhà quản trị không có đạo đức sử dụng để điều chỉnh các thông tin kế toán quan trọng theo mục đích của mình. Hiện nay các quy định liên quan đến ước tính kế toán trong chế độ kế toán hiện nay vẫn còn khá hạn chế, đặc biệt là các quy định liên quan tới việc giảm giá trị của các tài sản trên báo cáo tài chính.

#### ***3.3.2.3. Hoàn thiện các Thuyết minh Báo cáo tài chính***

Thuyết minh báo cáo tài chính là việc bổ sung các thông tin có trong các báo cáo tài chính của doanh nghiệp. Thuyết minh báo cáo tài chính đưa ra các thông tin chi tiết về nội dung đã bị bỏ qua trong các báo cáo như Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả

hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ. Việc làm này nhằm mục đích làm rõ các chỉ tiêu trên báo cáo mà không khiến các báo cáo trở nên phức tạp.

### **3.4. CÁC KIẾN NGHỊ ĐỀ THỰC THI GIẢI PHÁP**

#### **3.4.1. Đối với doanh nghiệp niêm yết**

- Tăng cường ý thức trách nhiệm của các doanh nghiệp niêm yết
- Đầu tư phát triển hệ thống thông tin kế toán trong doanh nghiệp
- Nâng cao trình độ chuyên môn và kỹ năng cho bộ phận kế toán – tài chính
- Nâng cao công tác quan hệ với cổ đông, nhà đầu tư và công chúng

#### **3.4.2. Đối với Nhà nước**

- Nâng cao và cập nhật các chuẩn mực kế toán, kiểm toán của Việt Nam
- Tăng cường giám sát hoạt động công bố thông tin kế toán
- Tăng cường các biện pháp chế tài xử lý các hành vi vi phạm
- Triển khai mô hình đánh giá chất lượng và chấm điểm tín nhiệm doanh nghiệp

#### **3.4.3. Về phía các Ngân hàng thương mại**

Thường xuyên tổ chức các khóa nghiệp vụ, không chỉ về các kỹ năng liên quan đến phân tích mà còn bổ sung thêm cho cán bộ của mình các kiến thức kế toán có liên quan và cập nhật nhất, đặc biệt là trong xu hướng hội nhập và ngày càng phát triển của nền kinh tế nước ta hiện nay

#### **3.4.4. Về phía Hiệp hội nghề nghiệp**

- Nâng cao tiêu chí chất lượng kiểm toán của các công ty kiểm toán
- Hạn chế tình trạng cung cấp các dịch vụ phi kiểm toán cho các doanh nghiệp niêm yết mà công ty kiểm toán đang cung cấp dịch vụ kiểm toán.

#### **3.4.5. Về phía các cơ sở đào tạo**

- Nâng cao chất lượng đầu ra của đội ngũ cử nhân kế toán – kiểm toán.
- Cập nhật thông tin về chế độ kế toán, quy định của thuế, kế toán, kiểm toán

### **KẾT LUẬN CHƯƠNG 3**

Dựa vào những nội dung trong chương 1 và 2, chương 3 đã đề xuất nhóm giải pháp và kiến nghị nhằm hoàn thiện thông tin kế toán công bố của doanh nghiệp niêm yết trên cả hai phương diện khung pháp lý, và việc vận dụng khung pháp lý nhằm đáp ứng nhu cầu của các ngân hàng thương mại.



## KẾT LUẬN

Tại Việt Nam, nhà nước có những quy định về kế toán và các thông tin kế toán cần công bố của doanh nghiệp niêm yết, tuy nhiên những quy định này vẫn chưa hoàn toàn đáp ứng được nhu cầu của các ngân hàng thương mại trong điều kiện hội nhập và phát triển kinh tế mạnh mẽ đang diễn ra như hiện nay, vì thế các thông tin kế toán của doanh nghiệp niêm yết vẫn chưa phát huy được vai trò vốn có của nó, điều này có ảnh hưởng đến hiệu quả tiếp cận nguồn vốn cũng như có thể mang lại rủi ro cho các ngân hàng thương mại. Chính vì vậy, việc hoàn thiện thông tin kế toán công bố của doanh nghiệp niêm yết nhằm đáp ứng nhu cầu thông tin của các ngân hàng thương mại tại Việt Nam trở thành yêu cầu tất yếu. Từ yêu cầu cấp thiết đó, tác giả đã nghiên cứu và lựa chọn đề tài làm luận án là “Hoàn thiện thông tin kế toán công bố của doanh nghiệp niêm yết nhằm đáp ứng nhu cầu thông tin của các ngân hàng thương mại tại Việt Nam”.

Qua quá trình nghiên cứu, luận án đã đạt được các kết quả sau:

Luận án đã làm sáng tỏ những vấn đề lý luận về doanh nghiệp niêm yết như khái niệm, đặc điểm, các nguồn vốn tiếp cận của doanh nghiệp niêm yết. Cùng với đó, luận án cũng đã hệ thống hóa những thông tin kế toán mà các doanh nghiệp niêm yết cần phải công bố và vai trò, ý nghĩa của chúng đến những đối tượng quan tâm tới doanh nghiệp. Luận án cũng đã tổng hợp các nghiệp vụ mà ngân hàng thương mại cung cấp tới các khách hàng doanh nghiệp của mình, và nhu cầu thông tin của các ngân hàng thương mại khi thực hiện các nghiệp vụ đó. Trong đó, đặc biệt làm rõ nhu cầu thông tin của ngân hàng thương mại khi cho các doanh nghiệp tiếp cận tới nguồn vốn tín dụng của mình.

Luận án đã làm rõ các thông tin kế toán mà doanh nghiệp niêm yết phải công bố theo quy định của pháp luật tại Việt Nam, cũng như việc vận dụng các quy định đó vào trong thực tế trình bày các thông tin kế toán công bố của doanh nghiệp niêm yết. Luận án cũng đã tìm hiểu về tầm quan trọng của các thông tin kế toán trong các quyết định của ngân hàng thương mại cũng như mức độ đáp ứng nhu cầu thông tin của các ngân hàng thương mại.

Luận án đã làm rõ yêu cầu, nguyên tắc và nội dung hoàn thiện thông tin kế toán công bố của các doanh nghiệp niêm yết để đáp ứng nhu cầu thông tin của các ngân hàng thương mại, đồng thời nêu lên những điều kiện cần thiết để thực hiện các giải pháp một cách hiệu quả

Những nội dung trình bày trên đây đã đáp ứng về cơ bản những mục tiêu nghiên cứu đề ra. Tuy nhiên, do giới hạn về thời gian nghiên cứu nên nội dung luận án khó tránh khỏi những thiếu sót. Tác giả rất mong nhận được sự chỉ dẫn, những ý kiến đóng góp quý báu từ các nhà khoa học, các nhà nghiên cứu để luận án được hoàn thiện hơn.

Xin trân trọng cảm ơn!

**DANH MỤC CÔNG TRÌNH ĐÃ CÔNG BỐ CỦA TÁC GIẢ  
LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN**

Nguyễn Tiến Đạt (2021), “Importance of accounting disclosure for commercial banks in lending listed companies in vietnam”, *TNU Journal of Science and Technology*, số 226 (09), tháng 5/2021, trang 220-225

Nguyễn Tiến Đạt (2021), “Accounting item classification from the perspective of commercial banks in Vietnam”, *Tạp chí nghiên cứu tài chính kế toán*, số 02 (10), tháng 5/2021, trang 66-71

Nguyễn Tiến Đạt (2021), “Thông tin kế toán công bố của doanh nghiệp niêm yết đáp ứng nhu cầu thông tin của các ngân hàng thương mại tại Việt Nam”, *Tạp chí nghiên cứu tài chính kế toán*, số 06 (215), tháng 6/2021, trang 62-65